

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG, HUYỆN CÁI BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Hải**

2. Ông **Mã Thanh Trung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiên** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 402/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** **Trần Thanh T**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:**

- Chị và anh Trần Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C năm 2012, chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T

không lo làm ăn và vợ chồng sống ly thân từ ngày 01/6/2017 đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Lê Anh T sinh ngày 15/9/2010, hiện sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu anh T cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai không ngày tháng năm bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Thu H kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng. Anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Lê Anh T sinh ngày 15/9/2010 anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ yêu cầu như trên. Anh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân và nuôi con của chị và anh Trần Thanh T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Trần Thanh T. Xét thấy anh T đã được Tòa án thông báo và triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Tiền Giang

theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01, ngày 06/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo lời chị H khai do anh T thường nhậu không lo làm ăn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 01/6/2017 đến nay. Anh T vắng mặt không lý do. Xét thấy anh T đã được Tòa án triệu tập giải quyết xét xử việc chị H xin ly hôn anh nhưng anh không đến, vắng mặt từ khi hòa giải đến nay, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền của mình. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Lê Anh T sinh ngày 15/9/2010. Xét thấy con chung do chị H nuôi dưỡng từ khi cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định nên tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị H không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H.

- Cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Trần Thanh T.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Lê Anh T sinh ngày 15/9/2010 cho chị H nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T, do chị H không yêu cầu.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 06991 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị H đã nộp xong tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được tính từ khi nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã C, huyện M;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN